TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 17-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Củng Trần Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Chí Cường; bà Sùng Thị Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Ông Vàng Mí Chứ - Kiểm sát viên.

Ngày 17-11-2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/TLST-HS ngày 12-10-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST-HS ngày 03-11-2022 đối với các bị cáo:

1. Sùng Mí G (tên gọi khác: Không có); sinh năm 1991 tại xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Vả S1 (đã chết) và bà Vàng Thị Th, sinh năm 1945; vợ: Vừ Thị M, sinh năm 1989 (chung sống với nhau như vợ chồng nhưng Sùng Mí G và Vừ Thị M không đăng ký kết hôn theo quy định), con: Có 03 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt ngày 06/06/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

2. Vừ Mí S (tên gọi khác: Không có); sinh năm 1981 tại huyện M, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: H'mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Chứ S3 (đã chết) và bà Sùng Thị V (đã chết); vợ: Vừ Thị S2, sinh năm 1981 (chung sống với nhau như vợ chồng nhưng Vừ Mí S và Vừ Thị S2 không đăng ký kết hôn theo quy định), con: Có 02 con ; tiền án, tiền sự:

Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt ngày 06/6/2022. Đến ngày 25/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo đang cư trú tại thôn B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

3. Sùng Mí C (tên gọi khác: Không có); sinh năm 1970 tại xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Vả S1 (đã chết) và bà Vàng Thị Th, sinh năm 1945; vợ: Ly Thị M2, sinh năm 1970 (chung sống với nhau như vợ chồng nhưng Sùng Mí C và Ly Thị M2 không đăng ký kết hôn theo quy định), con: Có 03 (ba) con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt ngày 06/6/2022. Đến ngày 25/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo đang cư trú tại thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

4. Sùng Mí T (tên gọi khác: Không có); sinh năm 1988 tại xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Hmông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sùng Mí C, sinh năm 1970 và bà Ly Thị M2, sinh năm 1970; vợ: Ly Thị Ch, sinh năm 1986 (chung sống với nhau như vợ chồng nhưng Sùng Mí T và Ly Thị Ch không đăng ký kết hôn theo quy định), con: Có 06 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị bắt ngày 06/6/2022. Đến ngày 25/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh. Hiện bị cáo đang cư trú tại thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S*: Bà Nguyễn Thị Lan, Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Sùng Mí C, Sùng Mí T*: Bà Lục Thùy Linh, Trợ giúp viên pháp lý - Thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Bị hại*: Anh Sùng Mí S4, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- *Người làm chứng*: Sùng Mí P, Vừ Thị S5, Sùng Thị C2, Sùng Mí T, Vừ Thị M (tên gọi khác: Vừ Thị M2), Vừ Thị S2, Sùng Mí X, Sùng Mí V1, Sùng Mí B, Gng Mí C3, Sùng Mí Ch1, Vàng Thị Th. Có mặt. Vừ Mí L, Sùng Mí V1, Sùng Mí B1. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người giám hộ cho người làm chứng Sùng Mí V1 (sinh ngày 05/7/2005)*: Sùng Mí Ch2. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người phiên dịch*: Vàng Mí Lúa, sinh năm: 1987, địa chỉ: Tổ 01 thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 17/5/2022, Sùng Mí S4 đi xe khách từ thành phố Hà Giang lên đến xã L, huyện Đ. Do bị tắc đường nên S4 đã gọi nhờ Vừ Thị M (*tên gọi khác Vừ Thị M2*) đến đón. Sau khi gặp nhau, S4 đã điều khiển xe máy. Đến đoạn gần trường dậy nghề tại thị trấn N, do điều khiển xe máy không cẩn thận nên S4 bị ngã, làm xe bị hỏng không đi được. Trong quá trình dắt xe đi sửa, S4 đã nhờ được một người đi đường chở xe máy hỏng xuống quán sửa xe Đức Độ ở tổ 3, thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang. Lúc S4 và người đàn ông đang buộc xe máy bị hỏng thì Vừ Thị M đã đi bộ về trước. Sau khi buộc xe xong thì người đàn ông đó đèo xe máy của M đến quán sửa xe trước rồi quay lại đón S4. Tại đây, S4 đã gọi cho anh trai ruột là Sùng Mí T2, sinh năm 1987, đem xe máy đến đón S4 đi chợ.

Vào sáng cùng ngày, Sùng Mí G (*là người chung sống với Vừ Thị M như vợ chồng*) gọi điện cho M thì được M cho biết hôm nay sẽ đi mua phân đạm và ngô ở thị trấn N. Tuy nhiên, đến trưa cùng ngày, G gọi điện cho M nhưng không liên lạc được. Đến khoảng 14 giờ, sau khi G liên lạc được với M thì M đã nói dối G là xe bị đổ và hỏng nên đang mang xe đi sửa ở cửa hàng Đức Độ rồi tắt máy. Do G có quen biết Vừ Mí L, đang là thợ sửa xe tại cửa hàng Đức Độ nên G đã nhờ L xem có thấy M mang xe đến sửa không. Khi được G cho biết biển kiểm soát của chiếc xe thì L kiểm tra và nói với G rằng chiếc xe không phải do M mang đến mà là một người đàn ông. Do nghi ngờ vợ mình có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên G nhờ L chụp ảnh người đàn ông mang xe đến rồi gửi ảnh qua ứng dụng Zalo thì G nhận ra Sùng Mí S4. Ngay khi nhận ra S4, G đã gọi điện cho Vừ Mí S; Sùng Mí T, sinh năm 1988; Sùng Mí B và gửi ảnh S4 qua ứng dụng Zalo cho S, T, B lên tìm gặp S4 để đưa về giải quyết. S và T đã đồng ý, còn B do không ở nhà nên không đi được. Sau khi đã nhờ mọi người xong, G đã xin nghỉ việc ở công ty rồi bắt xe về nhà giải quyết sự việc.

Sau khi đồng ý, S lái xe đến cửa hàng sửa xe máy Đức Độ nhưng lúc này không thấy S4 nên S điều khiển xe máy đi một vòng quanh khu chợ trung tâm huyện M nhưng không thấy nên S quay lại cửa hàng xe máy Đức Độ. Lúc này S4 đeo khẩu trang nên S không nhận ra, vì vậy S đã hỏi thợ sửa xe về người mang chiếc xe máy hỏng đến sửa là ai thì được thợ chỉ về phía S4. Lúc đó, S đã tiến về phía S4 và kéo khẩu trang của S4 xuống. Khi xác nhận người này là S4 thì S tiến đến vị trí của S4 và hỏi về việc Mỷ đi với S4 thì S4 trả lời "Các anh đừng làm gì em, em sai rồi" Ngay sau đó, S dùng tay phải của mình cầm vào vai trí của S4 kéo S4 ra vị trí xe máy của mình, cùng lúc S nhìn thấy T (sinh năm 1988) đang điều khiển xe máy đi từ hướng

P đến thì S ra hiệu cho T quay đầu xe và yêu cầu S4 lên xe của T. Sau khi S4 lên xe thì T chở S4 về nhà Sùng Mí C, còn S đi xe một mình theo phía sau. Lúc T và S chở S4 đến sân trước cửa nhà C thì C đang nhặt quả đậu trước cửa. Sau khi Sùng Mí T chở S4 đến trước cửa nhà C thì đã đi giúp hàng xóm lợp mái nên diễn biến chuyện sau đó T không biết. Khi vừa xuống xe, S đã chỉ tay vào mặt S4 và chất vấn việc S4 có quan hệ bất chính với M, đưa nhau đi chơi làm hỏng xe nhưng S4 không trả lời nên S đã bực tức mà dùng chân đá vào chân và đùi của S4, sau khi C nghe S hỏi S4 vậy thì C biết được S4 có quan hệ tình cảm với em dâu mình là M thì cũng đã dùng tay đấm vào ngực S4. Bởi vì S cho rằng S4 và M có quan hệ bất chính với nhau, hai người đi chơi làm xe máy bị hỏng nên S đã yêu cầu S4 phải mua chiếc xe máy mới đền cho G. Nghe S nói vậy, C cũng nhất trí với ý kiến này và cùng yêu cầu S4 đền xe. Sau khi nghe S và C nói xong thì S4 đã đồng ý, S4 đã gọi cho Sùng Thị C2 (*vợ của S4*) và Vừ Thị S5 (mẹ đẻ S4) đến nhà C để giải quyết. Sau đó S4 gọi cho anh trai là T2 (sinh năm 1987) xuống lấy chìa khóa xe do lúc đi chợ về S4 vẫn đang cầm chìa. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Sùng Thị C2, Vừ Thị S5 đến nhà C. Lúc sau T2 (sinh năm 1987) đến, S4 đã đưa lại chìa khóa xe cho T2 (sinh năm 1987) và nói bản thân ở lại nhà C để giải quyết nốt sự việc nên T (sinh năm 1987) đã đồng ý rồi đi về. Sau đó, C đã đề nghị mọi người sang nhà G. Lúc sang đến nhà thì G vẫn chưa về đến nên Sùng Mí Ch1 (ở cùng thôn với G) đã đề nghị để S4, vợ và mẹ S4 ở lại nhà G để trông chừng M do sợ M tự tử, mọi người đều nhất trí. Sau đó mọi người cũng lần lượt đi về. Trước khi đi ngủ, S4 đã gọi cho Sùng Mí P kể lại sự việc rồi nhờ anh trai đòi tiền những người đang nợ S4 và vay thêm một số tiền để S4 mua xe máy mới trả cho Sùng Mí G.

Khoảng 10 giờ sáng ngày 18/5/2022, Sùng Mí P, đã đem số tiền 20.500.000 đồng đến nhà G và đưa cho S4. Sau đó, P cũng ở lại nhà G để đợi G về. Đến 15 giờ cùng ngày, M đã gọi cho chị gái ruột là Vừ Thị S2 (*vợ của Vừ Mí S*) sang nhà. Khoảng 16 giờ cùng ngày thì G về, G đã gọi cho Sùng Mí C, Sùng Mí T, Sùng Mí B, Vừ Mí S sang nhà để giải quyết. Khi mọi người đã đến đủ, C đã nhắc đến việc S4 phải mua xe máy mới cho G như đã thống nhất ngày 17/5/2022. Nghe vậy, G đã đồng ý rồi để P, T và Sùng Mí V1 đi mua xe. Lúc này T gọi thêm Sùng Mí X, Sùng Mí V1 đi theo để mua xe máy. Sau khi thống nhất như vậy thì S4 đã đưa cho P 20.5000.000 đồng mà P đã đưa cho S4 cùng với 10.000.000 đồng đang có trong người. 04 người đã cùng nhau đi đến cửa hàng xe máy Ngọc Tam tại tổ 3 tuy nhiên khi tại cửa hàng không có xe máy giống với xe cũ của G nên P và T đã chọn mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ - đen, với giá 27.200.000 đồng. P đã đưa cho Sùng Mí T số tiền 27.200.000 đồng. Tuy nhiên T chỉ trả cho chủ cửa hàng 25.000.000 đồng, T giữ lại 2.200.000 đồng để khi nào làm xong thủ tục đăng ký xe sẽ trả tiếp số tiền còn lại (*số tiền này T đã đưa lại cho G sau khi về nhà*). Còn chiếc xe máy của G sửa tại cửa hàng xe Đức Độ do P đi lấy, số tiền sửa xe là 1.440.000 đồng. Lúc đó tại nhà của Sùng Mí G, G cùng S4 và M nói chuyện với nhau. Trong quá trình nói chuyện thì G có dùng tay tát vào mặt của S4 và M hai phát.

Sau đó S4 thừa nhận S4 và M có quan hệ bất chính. Kết thúc buổi nói chuyện, hai bên thống nhất S4 sẽ đền cho G chiếc xe máy theo như yêu cầu của Vừ Mí S, Sùng Mí C, ngoài ra G đã yêu cầu S4 phải đưa cho mình số tiền 10.000.000 đồng là tiền phạt do S4 và M có quan hệ bất chính với nhau, 5.000.000 đồng tiền xe đi lại của G từ Bình Dương về và 3.600.000 đồng tiền rửa nhà do bị ô uế vì S4 và M có quan hệ bất chính. Lúc này, khi T cùng mọi người đi mua xe về có nghe G nói về việc phạt tiền rửa nhà thì T cũng yêu cầu Sùng Mí S4 trả cho mình 3.600.000 đồng vì vào ngày 17/5/2022, Vừ Thị M có vào nhà T lấy ghế nên đã làm ô uế nhà của T. Bên cạnh đó, Sùng Mí C yêu cầu M và S4 mỗi người cũng phải đưa 1.000.000 đồng để làm bữa cơm. Số tiền 1.000.000 đồng của M sẽ do G trả, còn của S4 sẽ do S4 tự trả. Do biết mình sai nên S4 đã đồng ý với yêu cầu của G, C và T. Vì không có đủ tiền nên S4 đã lấy xe của P chở bà S5 về để vay thêm tiền, còn C3 và P vẫn đợi ở nhà G vì trời đã muộn và không có xe về. Trước khi về, S4 đã đưa cho anh trai là Sùng Mí P số tiền 1.000.000 đồng để P cùng với T đi mua thức ăn và rượu theo như yêu cầu của G. Tiền mua thức ăn và rượu hết 1.720.000 đồng. Số tiền còn dư là 280.000 đồng thì T đưa cho P một nửa là 140.000 đồng, còn 140.000 đồng còn lại T đưa trả G. Khoảng 22 giờ cùng ngày, S4 và bà S5 về đến nhà, S4 đã đi vay tiền hàng xóm số tiền 25.000.000 đồng.

Khoảng 03 giờ sáng ngày 19/5/2022, S4 và bà S5 quay lại nhà G. Lúc này G gọi C, T, Sùng Mí B đến để giải quyết nốt sự việc. Sau khi uống 02 chén rượu, S4 đã đưa số tiền 22.200.000 đồng cho G và T đếm. Khi đã đếm đủ, S4 yêu cầu phải viết biên bản nhưng do G, S4 không biết viết nên S4 đã nhờ B viết hộ. B đã viết hai biên bản với nội dung như nhau để cho G và S4 mỗi người giữ một bản rồi mọi người tiếp tục uống rượu với nhau. Đến khoảng 07 giờ cùng ngày, S4 và C3 mang chiếc xe cũ của G đi bán ở cửa hàng Ngọc Tam được 8.000.000 đồng rồi hai vợ chồng cầm tiền về.

Sau khi về nhà, ngày 22/5/2022, Sùng Mí S4 đã làm đơn tố giác hành vi của Sùng Mí G cùng đồng phạm gửi đến VKSND huyện M.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật:

+ Đồ vật, tài sản do người bị hại Sùng Mí S4, sinh năm 1992, trú tại thôn L, xã T, huyện M, tỉnh Hà Giang tự nguyện giao nộp ngày 25/5/2022 để trả lại cho bị cáo Sùng Mí G, gồm:

- 8.000.000 đồng là số tiền S4 đã bán chiếc xe máy cũ của Sùng Mí G. Sau khi tạm giữ, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành niêm phong theo quy định của pháp luật.

+ Đồ vật, tài sản do bị cáo Sùng Mí G, sinh năm 1991, trú tại thôn H, xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang tự nguyện giao nộp ngày 26/5/2022, gồm:

- Số tiền 24.400.000 đồng. Trong đó: Tiền phạt 10.000.000 đồng; tiền vé máy bay 5.000.000 đồng; tiền rửa nhà theo theo phong tục của G và T là 7.200.000 đồng

và số tiền 2.200.000 đồng khi T cùng P mua xe máy, T đưa cho G giữ lại, khi nào làm xong thủ tục đăng ký xe thì G sẽ trả cho cửa hành bán xe. Sau khi tạm giữ, Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã tiến hành niêm phong theo quy định của pháp luật.

- 01 *(một)* xe máy, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ - đen, số khung: RLHJA3854NY111047, số máy: JA52E-0375058. Không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng. Đây là chiếc xe đã cưỡng đoạt được của Sùng Mí S4.

Ngày 30/5/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện M ra yêu cầu định giá tài sản số 06/YC-CSĐT yêu cầu: Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện M, định giá đối với vật chứng của vụ án là chiếc xe máy, nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, màu sơn đỏ - đen, số khung: RLHJA3854NY111047, số máy: JA52E-0375058. Không có biển kiểm soát, xe đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 02/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện M, xác định: Tổng giá trị tài sản được yêu cầu xác định: 27.200.000 đồng.

Ngày 26/7/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện M ra Quyết định trưng cầu giám đinh số 22/QĐ-ĐTTH trưng cầu: Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định: Chữ viết đối với 02 biên bản hòa giải, có ký hiệu A1 và A2 cùng với các mẫu so sánh có ký hiệu M1, M2, M3.

Tại bản kết luận giám định số 264/KL-KTHS ngày 04/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 do cùng một người viết ra.

Ngày 26/5/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã khởi tố vụ án hình sự "Cưỡng đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự 2015

Ngày 06/6/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện M đã khởi tố bị can đối với các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí T, Sùng Mí C về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSMV ngày 11/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí T, Sùng Mí C về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T phạm tội Cưỡng đoạt tài sản.

Về hình phạt:

- *Hình phạt chính:*

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Sùng Mí G mức án từ 15 *(mười lăm)* đến 18 *(mười tám)* tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị can để tạm giam *(ngày 06/6/2022).*

Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Vừ Mí S mức án từ 15 *(mười lăm)* đến 18 *(mười tám)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách từ 30 *(ba mươi)* tháng đến 36 *(ba mươi sáu)* tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/11/2022.

Bị cáo Sùng Mí C mức án từ 15 *(mười lăm)* đến 18 *(mười tám)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách từ 30 *(ba mươi)* tháng đến 36 *(ba mươi sáu)* tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/11/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Sùng Mí T mức án từ 12 *(mười hai)* tháng đến 15 *(mười lăm)* tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách từ 24 *(hai mươi bốn)* tháng đến 30 *(ba mươi)* tháng. Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 17/11/2022.

- *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo đều là nông dân lao động, không có thu nhập khác ngoài trồng trọt nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên tại phiên tòa hôm nay không đề cập.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016 -UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho các bị cáo bà Nguyễn Thị Lan trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S:

Về tội danh: Đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: về cơ bản đồng thuận với VKSND huyện M, đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 54 BLHS đối với bị cáo G xử phạt bị cáo 15 tháng tù, xử phạt bị cáo S từ 12 đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về Trách nhiệm dân sự: tại giai đoạn điều tra các bị cáo và bị hại tự thỏa thuận số tiền bồi thường là 2.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại.

Về án phí: Do bị cáo Sùng Mí G thuộc hộ cận nghèo, Vừ Mí S là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị HĐXX Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ điều 12 Áp dụng Nghị quyết số

326/2016 -UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S.

Người bào chữa cho các bị cáo bà Lục Thùy Linh trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Sùng Mí C, Vừ Mí T:

Về tội danh: Đồng thuận với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Về hình phạt: Về cơ bản đồng thuận với VKSND huyện M, đề nghị HĐXX áp dụng thêm Điều 54 BLHS đối với bị cáo Cơ xử phạt bị cáo 15 tháng tù, xử phạt bị cáo T từ 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về Trách nhiệm dân sự: tại giai đoạn điều tra các bị cáo và bị hại tự thỏa thuận số tiền bồi thường là 2.000.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Do vậy đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại.

Về án phí: Do các bị cáo thuộc hộ cận nghèo, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ điều 12 Áp dụng Nghị quyết số 326/2016 -UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ án phí HSST cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức án cho các bị cáo.

Bị hại Sùng Mí S4 xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra không đề nghị các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Lời nói sau cùng:

Các bị cáo cảm thấy ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, do không được học hành, thiếu hiểu biết về pháp luật. Mong HĐXX xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, tỉnh Hà Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay vắng mặt người làm chứng Sùng Mí V1, Sùng Mí Ch2, Sùng Mí B2, Vừ Mí L nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án. Xét thấy việc

vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc làm sáng tỏ vụ án. Căn cứ vào Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, HĐXX quyết định tiếp tục giải quyết vụ án.

[3] Về tội danh: Các bị cáo là công dân có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức xã hội, các bị cáo phải biết rằng: Tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật, Nhà nước bảo vệ. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa đúng như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố về thời gian, địa điểm, ngoài ra còn thể hiện tại biên bản xác định hiện trường, biên bản xác minh, thông báo kết luận giám định, bản kết luận định giá tài sản, biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo được thể hiện cụ thể như: Đối với bị cáo Sùng Mí G, do nghi ngờ Vừ Thị M có quan hệ bất chính với Sùng Mí S4 nên đã nhờ Sùng Mí T và Vừ Mí S dẫn S4 về nhà G giải quyết. Sau đó, S và T đã đến cửa hàng xe máy Đức Độ để tìm S4. Khi phát hiện ra S4, thì S đã yêu cầu S4 lên xe máy của T để T chở về nhà C tại thôn H, xã P, huyện M. Còn S đi xe máy của mình theo phía sau. Lúc đến nhà C, C yêu cầu mọi người lên nhà G giải quyết. Tại nhà G, S là người khởi xướng yêu cầu S4 phải mua xe máy mới cho G, C cũng đồng ý. Khi G từ Bình Dương về đến nhà, S và C đã nói lại việc yêu cầu S4 phải mua xe mới trả cho G, lúc này G cũng nhất trí. Sau đó, S4 đưa tiền cho anh trai là Sùng Mí P số tiền 30.500.000 đồng để P cùng T (*sinh năm 1988*) đi mua xe máy mới. T đã gọi thêm X và V1 đi mua cùng. Do không có xe giống với xe đã bị hỏng của G nên T và P đã chọn mua chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX đỏ - đen trị giá 27.200.000 đồng. Tuy nhiên khi trả tiền cho cửa hàng thì bị cáo T trả 25.000.000 đồng và giữ lại 2.200.000 đồng để sau khi của hàng làm xong đăng ký xe thì sẽ trả nốt. Sau đó T và P mang xe về giao lại cho G cùng với số tiền 2.200.000 đồng. Khoảng 03 giờ sáng ngày 19/5/2022, lúc này mọi người bày cơm ra giữa nhà để nói chuyện và tiếp tục giải quyết, sau khi uống được 02 chén rượu thì S4 lấy trong túi ra số tiền 15.000.000 đồng (*trong đó 5.000.000 đồng là tiền đi lại của G, 10.000.000 đồng là tiền phạt do có quan hệ bất chính với M*) đưa cho T, sau khi T đếm xong thì đưa lại cho G. Sau đó S4 lại tiếp tục lấy ra số tiền 7.200.000 đồng là tiền rửa nhà của T và G (*mỗi người 3.600.000 đồng*). Còn đối với chiếc xe máy hỏng của G, bị cáo G cho bị hại S4, S4 đem bán được số tiền 8.000.000 đồng. Tổng số tiền mà các bị cáo cưỡng đoạt của bị hại S4 là 41.400.000 đồng (*49.400.000 đồng – 8.000.000 đồng = 41.400.000 đồng*). Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản". Tại khoản 1 Điều 170 của BLHS 2015 quy định:*"1. Người nào đe dọa sẽ dùng vũ lực hoặc có thủ đoạn khác uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.*

a,…. "

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự xã hội trên địa bàn mà các bị cáo gây án nói riêng, huyện M nói chung. Hơn nữa bị cáo Sùng Mí G và chị Vừ Thị M không có đăng kí kết hôn, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng, đãng lẽ các bị cáo phải báo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Do vậy HĐXX nhận thấy cần có mức án nghiêm đối với từng hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, một phần lỗi cũng do phía bị hại mặc dù chị M và bị cáo G không đăng ký kết hôn nhưng bị hại biết chị M và bị cáo G chung sống với nhau như vợ chồng mà bị hại và chị M vẫn nảy sinh quan hệ tình cảm nam nữ.

[6] Trong vụ án này có tính chất đồng phạm, tuy nhiên là đồng phạm giản đơn theo Điều 17 của BLHS do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đối với từng bị cáo. Để cá thể hóa hình phạt theo Điều 58 Bộ luật hình sự, HĐXX đánh giá cụ thể từng hành vi phạm tội của các bị cáo: Bị cáo Sùng Mí G là người khởi xướng việc cưỡng đoạt số tiền 18.600.000 đồng. Đối với bị cáo Vừ Mí S là người khởi xướng việc cưỡng đoạt tài sản là chiếc xe máy trị giá 19.200.000 đồng (27.200.000 đồng – 8.000.000 đồng = 19.200.000 đồng) tuy nhiên tài sản cưỡng đoạt được, bị cáo đều giao lại cho bị cáo G. Đối với bị cáo Sùng Mí C là người tham gia cùng với Vừ Mí S, nhất trí với ý kiến của S trong việc cưỡng đoạt xe máy. Do vậy, bị cáo Sùng Mí G phải chịu mức án nghiêm khắc nhất so với các bị cáo còn lại, bị cáo Vừ Mí S, Sùng Mí C cũng cần có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[7] Đối với bị cáo Sùng Mí T là người tự thực hiện hành vi phạm tội cưỡng đoạt tài sản tổng số tiền 3.600.000 đồng, tuy nhiên sau khi nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đã đưa lại số tiền cho bị cáo G để giao lại cho cơ quan chức năng nên mức án của bị cáo thấp hơn so với bị cáo G, S, Cơ.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T đã tác động gia đình liên đới bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại; tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, nên áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS *(Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải)*. Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; các bị cáo thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn. Do vậy, cần áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo để các bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

[9] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là người không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[11] Về vật chứng: Tại giai đoạn điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện M ra Quyết định xử lý vật chứng số 13/QĐ-ĐTTH ngày 21/9/2022 tiến hành trao trả tài sản cho bị hại Sùng Mí S4 và đại diện gia đình của bị cáo Sùng Mí G. Xét thấy việc xử lý vật chứng là đúng quy định của pháp luật không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra các bị cáo G, S, Cơ, T đã tác động gia đình cùng liên đới mỗi người 500.000 đồng. Tổng cộng 2.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại Sùng Mí S4, là số tiền do bị hại Sùng Mí S4 bị mất thu nhập trong quá trình đi lại để giải quyết vụ việc. Tại phiên tòa hôm nay bị hại Sùng Mí S4 không đề nghị các bị cáo phải bồi thường thêm bất cứ khoản chi phí nào khác. Xét thấy, việc bồi thường giữa các bị cáo và bị hại không trái với đạo đức xã hội, nên HĐXX chấp nhận.

[13] Xét về nhân thân: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, xuất thân từ gia đình lao động, không được học hành, hiểu biết pháp luật chưa đầy đủ, chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt; Các bị cáo Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T là người có lý lịch, nơi cư trú rõ ràng.

[14] Đối với ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo G đề nghị áp dụng thêm Điều 54 của BLHS là chưa phù hợp, do bị cáo Sùng Mí G là người khởi sướng trong việc thực hiện hành vi phạm tội buộc bị hại S4 mua xe máy. Nên HĐXX không chấp nhận.

[15] Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên tòa, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân của các bị cáo. HĐXX xét thấy cần phải cách ly bị cáo Sùng Mí G ra khỏi xã hội một thời gian nhất định như vậy mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người biết sống, làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Đồng thời nhằm răn đe, giáo dục cũng như để phòng ngừa chung đối với các loại tội phạm. Đối với các bị cáo Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T HĐXX thấy rằng không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cùng gia đình cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, nên HĐXX áp dụng Điều 65 BLHS.

[16] Về án phí: Xét thấy các bị cáo C, G, T thuộc hộ cận nghèo, bị cáo S là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo có đơn xin miễn án phí, căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí G, Sùng Mí C, Sùng Mí T, Vừ Mí S.

[17] Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[18] Đối với số tiền 860.000 đồng do Sùng Mí S4 đã bỏ ra cùng với số tiền của Sùng Mí G để mua thức ăn nấu cơm cho mọi người ăn tại nhà Sùng Mí G và số

tiền sửa xe 1.440.000 đồng. Quá trình điều tra, Sùng Mí S4 thừa nhận cũng vì có quan hệ tình cảm với Vừ Thị M và vào ngày 17/5/2022 do bị hại S4 đi xe không cẩn thận dẫn đến việc làm xe máy bị hỏng nên mới để xảy ra sự việc trên, một phần lỗi cũng thuộc về S4, việc bỏ số ra số tiền trên để nấu cơm và sửa xe do S4 cũng tự nguyện đồng ý nên Sùng Mí S4 không đề nghị các bị cáo phải bồi thường số tiền trên, nên HĐXX không đề cập xem xét.

[19] Đối với việc bị hại Sùng Mí S4 và gia đình ở lại nhà của bị cáo Sùng Mí G từ ngày 17/5/2022 đến ngày 19/5/2022 do bản thân S4 có quan hệ bất chính với Vừ Thị M sợ Mỷ đi tự tử. Đồng thời, việc đi lại khó khăn, để giải quyết xong sự việc bị hại và gia đình đã tự nguyện ở lại nhà của bị cáo G. Trong thời gian này, bị hại và gia đình không bị ai trông giữ, giám sát hay khống chế gì mà bị hại và gia đình vẫn sinh hoạt bình thường với người thân trong gia đình của bị cáo Sùng Mí G. Do vậy, không đặt vấn đề xử lý hình sự đối với các bị cáo về hành vi *"Bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật"* quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự.

[20] Đối với hành vi của các bị cáo Sùng Mí C, Vừ Mí S, Sùng Mí G dùng tay, chân đá, tát vào cơ thể bị hại: Do bị hại chỉ bị thương tích nhẹ ở phần mềm, không ảnh hưởng đến sức khỏe nên bị hại không có đề nghị gì về việc này. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[21] Đối với Sùng Mí B là người viết hai biên bản hòa giải: Trước, trong và sau khi xảy ra sự việc thì B không biết nội dung sự việc diễn ra như thế nào, do biết viết nên khi được bị hại Sùng Mí S4 nhờ thì B đã viết hộ. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

[22] Đối với Sùng Mí Ch1 là người bảo Sùng Mí S4 cùng gia đình S4 ở và ngủ lại tại nhà Sùng Mí G chỉ nhằm mục đích là tự trông coi Vừ Thị M vì sợ M đi tự tử. Ngoài ra, không nhằm mục đích nào khác nên HĐXX không đề cập xem xét.

[23] Đối với Sùng Mí X và Sùng Mí V1 là người được bị cáo Sùng Mí T nhờ đi cùng để sau khi mua xe máy mới thì X cùng V1 điều khiển chiếc xe máy của T về nhà. Trước, trong và sau khi các bị cáo S, C, G thực hiện hành vi cưỡng đoạt tài sản của Sùng Mí S4 thì X cùng V1 không biết HĐXX không đề cập xem xét.

[24] Đối Với Sùng Mí S4 và Vừ Thị M: Căn cứ Điều 8, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Sùng Mí G và Vừ Thị M chung sống với nhau như vợ chồng và có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định thì không được coi là vợ chồng. Bên cạnh đó, bị hại Sùng Mí S4 và chị Sùng Thị C2 cũng chung sống với nhau như vợ chồng và có điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định thì cũng không được coi là vợ chồng. Do vậy, Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với Vừ Thị M và Sùng Mí S4 về việc S4 và Mỷ có quan hệ tình cảm nam nữ với nhau trước thời điểm xảy ra vụ án là đúng quy định của pháp luật. Nên HĐXX không đề cập xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Sùng Mí G 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam (*Ngày 06/6/2022*).

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điều 17; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Vừ Mí S 16 (*Mười sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 32 (*Ba mươi hai*) tháng kể từ ngày tuyên án (*Ngày 17/11/2022*).

Xử phạt bị cáo Sùng Mí C 15 (*Mười lăm*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 30 (*Ba mươi*) tháng kể từ ngày tuyên án (*Ngày 17/11/2022*).

- Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Sùng Mí T 12 (*Mười hai*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (*Hai mươi tư*) tháng kể từ ngày tuyên án (*Ngày 17/11/2022*).

Giao bị cáo Vừ Mí S cho UBND thị trấn N, huyện M, tỉnh Hà Giang; giao các bị cáo Sùng Mí T, Sùng Mí C cho UBND xã P, huyện M, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục; gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã, thị trấn giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì căn cứ Điều 92 Luật Thi hành án hình sự để thi hành. Trong thời gian thử thách các bị cáo không được xuất cảnh.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 585, 587 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự 2015. Ghi nhận việc thỏa thuận giữa các bị cáo Sùng Mí G, Sùng Mí C, Sùng Mí T, Vừ Mí S liên đới bồi thường mỗi người 500.000 đồng, tổng số tiền là 2.000.000 đồng, cho bị hại Sùng Mí S4 là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm đ khoản 1, khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sùng Mí G, Vừ Mí S, Sùng Mí C, Sùng Mí T.

Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: án xử công khai có mặt các bị cáo, bị hại. Báo cho các bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*Ngày 17/11/2022*)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- THADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- HS THAHS;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Củng Trẩn Lương